

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Bản án số: 162/2022/KDTM-ST
Ngày: 29/9/2022
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Trần Ngọc Oanh

2/ Bà Trần Quang Cảnh

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Mạnh Hải

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa:

Bà Đoàn Thị Thúy Hà – Kiểm sát viên

Ngày 9 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 74/2021/KTST ngày 14 tháng 12 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 608/2022/QĐXXST-KDTM ngày 18 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 731/2022/QĐST-KDTM ngày 09 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng HGFFGFG(GDFGDFG)

Địa chỉ : Lầu 1- Tòa nhà GFDGF - FDGDF, phườngGFDGDFG, QuậnG, Tp.HGD

Người đại diện theo ủy quyền : Ông Nguyễn FGDFGDF

(Văn bản ủy quyền số 2624/2022/UQ-PGD ngày 28/9/2022)

Bị đơn: Công ty GDFGDFGDFG

Trụ sở: SDFSDF, phường SDFSDF, quận SDFS, Tp.FSDFSDF

Người đại diện theo pháp luật : Bà Trần TGDFFGDG

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan :

Bà Trần TGDFFGDG – SN 1976 và ông Thái GDFGSDGFG – SN 1981

Cùng địa chỉ : 3E/15 FSDFSDF, phường DSFSDF, quận FDSFS, Tp.SDFSDF

(Tại phiên tòa ông G – có mặt, bà G, ông G – vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

(Ngân hàng HGFFGFviết tắt là Ngân hàng G và Công ty GDFGDFGDFG viết tắt là công ty G)

Tại đơn khởi kiện ngày 30 tháng 10 năm 2020 và tại bản tự khai, các buổi phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng G có bà FSDFSFG trình bày: Công ty G đã vay vốn tại Ngân hàng G – Chi nhánh Long An theo các Hợp đồng cho vay số: SME/LAN/17/0055/HDTD và phụ lục hợp đồng số 01 ký cùng ngày 08/05/2017 và theo Hợp đồng cho vay từng lần số: SME/LAN/17/0142/HDTD ký ngày 01/12/2017 với các nội dung như sau: Khế ước nhận nợ số SME/LAN/17/0055/HDTD ngày 08/05/2017 vay với số tiền 500.000.000 đồng, mục đích vay : Phục vụ hoạt động sản xuất, gia công cơ khí, thời hạn vay là 6 tháng, lãi suất 19.5%/năm, điều chỉnh 03 tháng/01 lần, ngày đến hạn 08/05/2020. Khế ước nhận nợ số SME/LAN/17/0142/HDTD ngày 01/12/2017 vay với số tiền 300.000.000 đồng, mục đích vay : Phục vụ hoạt động sản xuất, gia công cơ khí, thời hạn vay là 6 tháng, lãi suất 19.8%/năm, điều chỉnh 03 tháng/01 lần, ngày đến hạn 01/12/2020. Các khoản vay này được bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân của bà Trần TGDFFGD và ông Thái GDFGFSDGF theo các Hợp đồng bảo lãnh số: SME/LAN/17/0055/HDBL ký ngày 08/05/2017, Hợp đồng bảo lãnh số: SME/LAN/17/0142/HDBL-01 và Hợp đồng bảo lãnh số: SME/LAN/17/0142/HDBL-02 cùng ký ngày 01/12/2017. Khoản tín dụng cấp cho công ty G không thực hiện biện pháp bảo đảm bằng thế chấp tài sản, không có đăng ký giao dịch bảo đảm. Trong quá trình sử dụng vốn vay, công ty G đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng G đã nhiều lần liên hệ và làm việc Công ty G để yêu cầu hoàn trả nợ vay nhưng công ty G cố tình kéo dài thời gian nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng. Nguyên đơn yêu cầu khởi kiện như sau : Buộc công ty G phải trả ngay một lần cho Ngân hàng G tổng số nợ chưa thanh toán tạm tính đến ngày 22/6/2022 là 1.027.606.769 đồng trong đó nợ gốc là 449.150.250 đồng, tiền lãi là 578.456.519 đồng. Ngoài ra, kể từ ngày 23/6/2022 công ty G vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo các hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng G. Trường hợp công ty G không thanh toán, bên bảo lãnh là bà Trần TGDFFGD và ông Thái GDFGFSDGF có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản vay nêu trên theo các Hợp đồng bảo lãnh đã ký.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng G có ông Nguyễn GDFGDFG (thay thế cho bà G) vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện cụ thể như sau : Buộc công ty G phải trả ngay một lần cho Ngân hàng G tổng số nợ chưa thanh toán tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (29/9/2022) là 1.067.477.684 (một tỷ không trăm sáu mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi bảy nghìn sáu trăm tám mươi bốn) đồng trong đó nợ gốc là 449.150.250 (bốn trăm bốn mươi chín triệu một trăm năm mươi nghìn hai trăm năm mươi) đồng, tiền lãi trong khoản vay là 552.662.958 (năm trăm năm mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn chín trăm năm mươi tám) đồng và tiền nợ thẻ là 65.664.476 (sáu mươi năm triệu sáu trăm sáu mươi bốn nghìn bốn trăm bảy mươi sáu) đồng. Ngoài ra, kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm công ty G vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo các hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng G. Trường hợp Công ty G không thanh toán theo yêu cầu nêu trên, bên bảo lãnh là bà Trần

TGDFFGDG và ông Thái GDFGFSDGFG có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản vay nêu trên theo các Hợp đồng bảo lãnh đã ký.

Người đại diện của bị đơn công ty Gvắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần TGDFFGDG, ông Thái GDFGFSDGFG vắng mặt .

Đại diện Viện kiểm sát đã phát biểu ý kiến với nội dung chính như sau:

Về thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng. Về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách pháp lý, thu thập chứng cứ đều tuân đúng quy định pháp luật theo các Điều 68, từ Điều 93 đến Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 336, 338, 342, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015. Khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01 của HĐTP ngày 11/01/2019. Đề nghị HĐXX tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào Hợp đồng cho vay số SME/LAN/17/0055/HDTD và phụ lục hợp đồng số 01 ký cùng ngày 08/05/2017 và theo Hợp đồng cho vay từng lần số: SME/LAN/17/0142/HDTD ký ngày 01/12/2017 thì đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Công ty G có trụ sở tại số 16 FGFG, phường GFDGDF, quận Tân Phú, Tp.Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh giải quyết là phù hợp theo qui định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng của đương sự: Ngân hàng G là nguyên đơn, Công ty G là bị đơn, bà Trần TGDFFGDG và ông Thái GDFGFSDGFG là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan hoàn toàn phù hợp theo đúng quy định tại Điều 68 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015

[3] Về thủ tục xét xử vắng mặt các đương sự : Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn Công ty G và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần TGDFFGDG, ông Thái GDFGFSDGFG theo quy định tại Điều 179, Điều 196, Điều 208, Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng người đại diện của công ty G, bà Gc ông Gvẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về yêu cầu của đương sự:

Ngân hàng G yêu cầu Công ty G thanh toán cho Ngân hàng HGFFFG tổng số tiền gốc và lãi phát sinh tạm tính đến ngày 29/9/2022 là 1.067.477.684 (một tỷ không trăm sáu mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi bảy nghìn sáu trăm tám mươi bốn) đồng trong đó nợ gốc là 449.150.250 (bốn trăm bốn mươi chín triệu một trăm năm mươi nghìn hai trăm năm mươi) đồng, tiền lãi trong khoản vay là 552.662.958 (năm trăm

năm mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn chín trăm năm mươi tám) đồng và tiền nợ thẻ là 65.664.476 (sáu mươi năm triệu sáu trăm sáu mươi bốn nghìn bốn trăm bảy mươi sáu) đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm công ty Gvẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo các hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng G. Trường hợp Công ty Gkhông thanh toán, bên bảo lãnh là bà Trần TGDFFGD và ông Thái GDFGFSDGFCó trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản vay nêu trên theo các Hợp đồng bảo lãnh đã ký.

Căn cứ vào các Khế ước nhận nợ số SME/LAN/17/0055/HDTD ngày 08/05/2017 và Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 08/5/2017; Khế ước nhận nợ số SME/LAN/17/0142/HDTD ngày 01/12/2017, cùng các tài liệu chứng cứ và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thịnh Vượng, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở xác nhận Công ty Gcó vay vốn tại Ngân hàng G— Chi nhánh Long An theo các Hợp đồng cho vay số: SME/LAN/17/0055/HDTD và phụ lục hợp đồng số 01 ký cùng ngày 08/05/2017 và theo Hợp đồng cho vay từng lần số: SME/LAN/17/0142/HDTD ký ngày 01/12/2017 với các nội dung như sau: Khế ước nhận nợ số SME/LAN/17/0055/HDTD ngày 08/05/2017 vay với số tiền 500.000.000 đồng, mục đích vay : Phục vụ hoạt động sản xuất, gia công cơ khí, thời hạn vay là 6 tháng, lãi suất 19.5%/năm, điều chỉnh 03 tháng/01 lần, ngày đến hạn 08/05/2020. Khế ước nhận nợ số SME/LAN/17/0142/HDTD ngày 01/12/2017 vay với số tiền 300.000.000 đồng, mục đích vay : Phục vụ hoạt động sản xuất, gia công cơ khí, thời hạn vay là 6 tháng, lãi suất 19.8%/năm, điều chỉnh 03 tháng/01 lần, ngày đến hạn 01/12/2020 nhưng Công ty Gkhông thực hiện đúng việc thanh toán nợ như trong các Hợp đồng đã ký kết nêu trên. Xét về nội dung và hiệu lực của hợp đồng bảo lãnh: Các khoản vay này được bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân của bà Trần TGDFFGD và ông Thái GDFGFSDGFCtheo các Hợp đồng bảo lãnh số: SME/LAN/17/0055/HDBL ký ngày 08/05/2017, Hợp đồng bảo lãnh số: SME/LAN/17/0142/HDBL-01 và Hợp đồng bảo lãnh số: SME/LAN/17/0142/HDBL-02 cùng ký ngày 01/12/2017, khoản tín dụng cấp cho Công ty Gkhông thực hiện biện pháp bảo đảm bằng thế chấp tài sản, không có đăng ký giao dịch bảo đảm. Vì vậy đây thực chất là tín chấp vì bà Ngọc ông Tiến không có thể chấp bất kỳ tài sản nào cho Ngân hàng G. Việc bảo lãnh có hiệu lực từ ngày phát sinh nghĩa vụ được bảo lãnh cho đến khi Công ty Gthanh toán hết nghĩa vụ trả nợ và hoàn thành toàn bộ các nghĩa vụ với Ngân hàng G. Xét hợp đồng bảo lãnh có nội dung phù hợp với quy định tại các Điều 335, Điều 336, Điều 339, Điều 342 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên hợp đồng có hiệu lực pháp luật và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với nhau theo đúng cam kết. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Glà có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 7, Điều 8, Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[5] Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Công ty Gphải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng Gkhông phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Điều 335, Điều 336, Điều 339, Điều 342, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật thi hành án dân sự năm 2008. Điều 13 của Luật Doanh nghiệp. Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng HGFFGF

Công ty GDFGDFGDFG phải thanh toán cho Ngân hàng HGFFGF tổng số tiền chưa thanh toán tạm tính đến ngày 29/9/2022 là 1.067.477.684 (một tỷ không trăm sáu mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi bảy nghìn sáu trăm tám mươi bốn) đồng trong đó nợ gốc là 449.150.250 (bốn trăm bốn mươi chín triệu một trăm năm mươi nghìn hai trăm năm mươi) đồng, tiền lãi trong khoản vay là 552.662.958 (năm trăm năm mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn chín trăm năm mươi tám) đồng và tiền nợ thẻ là 65.664.476 (sáu mươi năm triệu sáu trăm sáu mươi bốn nghìn bốn trăm bảy mươi sáu) đồng.

Thời hạn thanh toán: một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật

Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự : Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Trường hợp trong hợp đồng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất sẽ được tiếp tục điều chỉnh tại giai đoạn thi hành án.

Trường hợp Công ty GDFGDFGDFG không có khả năng thanh toán thì Ngân hàng HGFFGF có quyền yêu cầu bên bảo lãnh là bà Trần TGDFFGD và ông Thái GDFGFSDGF có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản vay theo Hợp đồng bảo lãnh số: SME/LAN/17/0055/HDBL ký ngày 08/05/2017, Hợp đồng bảo lãnh số: SME/LAN/17/0142/HDBL-01 và Hợp đồng bảo lãnh số: SME/LAN/17/0142/HDBL-02 cùng ký ngày 01/12/2017.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền

Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty GDFGDFGDFG phải nộp số tiền là 44.024.330 (bốn mươi bốn triệu không trăm hai mươi bốn nghìn ba trăm ba mươi) đồng.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí là 17.610.968 (mười bảy triệu sáu trăm mười nghìn chín trăm sáu mươi tám) đồng theo biên lai thu số AA/2019/0071706 ngày 02/2/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh cho Ngân hàng HGFFGF.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THA DS Q. Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ ;

Nguyễn Thị Thanh Hiền